

CẬP NHẬT

KẾT QUẢ KINH DOANH

Quý II/2021 và 6T2021





NỘI DUNG

01	Kết quả kinh doanh Quý II/2021 và 6T2021	03
02	Triển vọng năm 2021	20
03	Phụ lục	25



KẾT QUẢ KINH DOANH

Quý II/2021 & 6T2021

Điểm nhấn KQKD
Quý II/2021 & 6T2021

Phân tích KQKD
Quý II/2021 & 6T2021



01. Kết quả kinh doanh Quý II/2021 & 6T2021

Điểm nhấn kết quả kinh doanh Quý II/2021 & 6T2021



Kết quả kinh doanh của VietinBank trong Quý II/2021 và 6T2021 tiếp tục tăng trưởng ổn định, tích cực; trong đó, tốc độ tăng trưởng hiệu quả kinh doanh lớn hơn so với tốc độ tăng trưởng quy mô.

▲ 9,8%
(ytd) | **1.473**
NGHÌN TỶ ĐỒNG

Tổng tài sản 30/6/21

▲ 9,1%
(ytd) | **93,2**
NGHÌN TỶ ĐỒNG

Vốn chủ sở hữu 30/6/21

▲ 5,6%
(ytd) | **1.084**
NGHÌN TỶ ĐỒNG

Dư nợ tín dụng 30/6/21

▲ 5%
(ytd) | **1.040**
NGHÌN TỶ ĐỒNG

Tiền gửi khách hàng 30/6/21

▲ 30,7%
(yoy) | **27.006**
TỶ ĐỒNG

Tổng thu nhập 6T2021

▲ 45,5%
(yoy) | **10.850**
TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận trước thuế 6T2021

▲ 16,7%
(yoy) | **7.699**
TỶ ĐỒNG

Chi phí hoạt động 6T2021

▲ 28,1%
(yoy) | **8.456**
TỶ ĐỒNG

Chi phí DPRR TD 6T2021

▲ FY2020:
16,9% | **19,7%**

ROE 30/6/21

▲ FY2020:
1,3% | **1,6%**

ROA 30/6/21

▼ FY2020:
35,5% | **28,5%**

CIR 6T2021

▲ FY2020:
0,94% | **1,34%**

NPL 30/6/21

01. Kết quả kinh doanh Quý II/2021 & 6T2021

Điểm nhấn kết quả kinh doanh Quý II/2021

QUY MÔ	2Q20	3Q20	4Q20	1Q21	2Q21
Tăng trưởng tổng tài sản (yoy)	4,7%	4,9%	8,1%	9,9%	18,8%
Tăng trưởng tổng nợ phải trả (yoy)	4,3%	4,5%	8,0%	9,5%	19,1%
Tỷ trọng CASA	16,4%	18,0%	19,6%	18,7%	18%
Tăng trưởng tín dụng (ytd)	0,3%	1,8%	7,8%	0,05%	5,6%
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ (P&L)	2Q20	3Q20	4Q20	1Q21	2Q21
Tăng trưởng TOI (yoy)	-0,6%	10,9%	24,0%	20,9%	41,2%
Tăng trưởng NII (yoy)	-5,2%	9,0%	18,3%	26,4%	39,5%
Tăng trưởng Non-NII (yoy)	20,3%	18,9%	50,0%	0,6%	47,2%
Chi phí tín dụng	0,7%	1,2%	1,2%	0,13%	0,79%
CIR	32,9%	32,6%	43,6%	27,2%	29,7%
Tăng trưởng LN thuần trước chi phí DPRR tín dụng (yoy)	4,3%	17,2%	35,9%	27,7%	47,9%
Tăng trưởng LNTT (yoy)	105,6%	-7,0%	101,8%	171%	-37,8%
CHẤT LƯỢNG NỢ & TÀI SẢN	2Q20	3Q20	4Q20	1Q21	2Q21
Tỷ lệ NPL	1,70%	1,87%	0,94%	0,88%	1,34%
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu	80,9%	84,2%	132,0%	155,4%	129%
KHẢ NĂNG SINH LỜI	2Q20	3Q20	4Q20	1Q21	2Q21
NIM	2,7%	2,8%	2,8%	3,3%	3,2%
ROA	1,2%	1,1%	1,3%	2,4%	1,6%
ROE	15,3%	13,9%	16,9%	29,61%	19,7%
VỐN VÀ THANH KHOẢN	2Q20	3Q20	4Q20	1Q21	2Q21
Tỷ lệ LDR	86,9%	84,5%	86,1%	85,3%	84,9%
Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	30,5%	29,4%	29,3%	27,4%	28%

01 Tổng thu nhập hoạt động Quý II/2021 **tăng 41,2%** (yoy) nhờ các mảng hoạt động: thu nhập lãi thuần, thu thuần dịch vụ, thu nhập từ góp vốn mua cổ phần, thu nhập từ hoạt động khác.

02 Thu nhập lãi thuần Quý II/2021 **tăng 39,5%** (yoy) nhờ kiểm soát tốt chi phí vốn và cải thiện tính sinh lời của danh mục tín dụng

03 Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ Quý II/2021 **tăng mạnh 47,2%** (yoy) nhờ đẩy bán sản phẩm có thể mạnh như TTTM, chuyển tiền, dịch vụ thẻ...và kiểm soát các khoản chi dịch vụ để tối ưu hóa hiệu quả quản trị chi phí

04 Kiểm soát chi phí hiệu quả, CIR Quý II/2021 ở mức **29,7%**.

05 Nợ xấu được kiểm soát ở mức **1,34%**. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt **129%**. Thu hồi nợ xấu đã XLRR QII/2021 tăng mạnh (**171,9% yoy**).

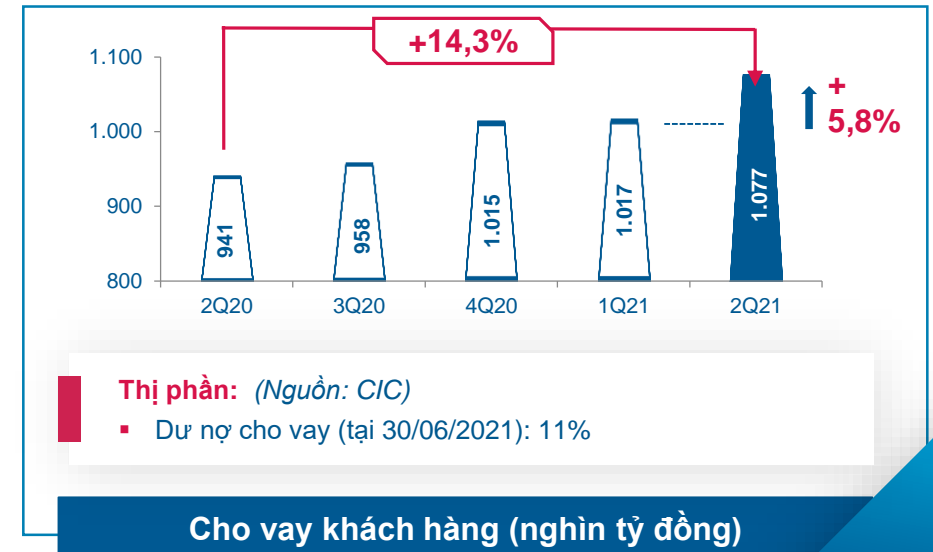
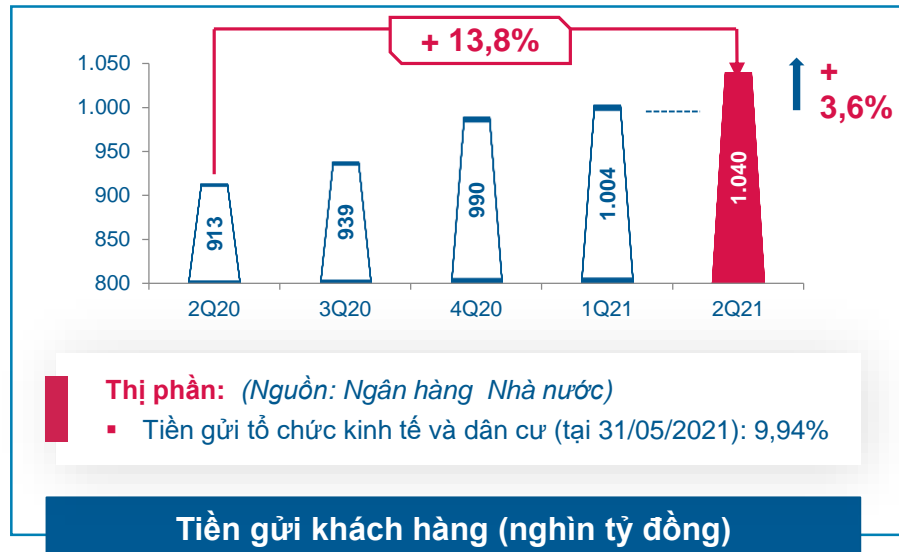
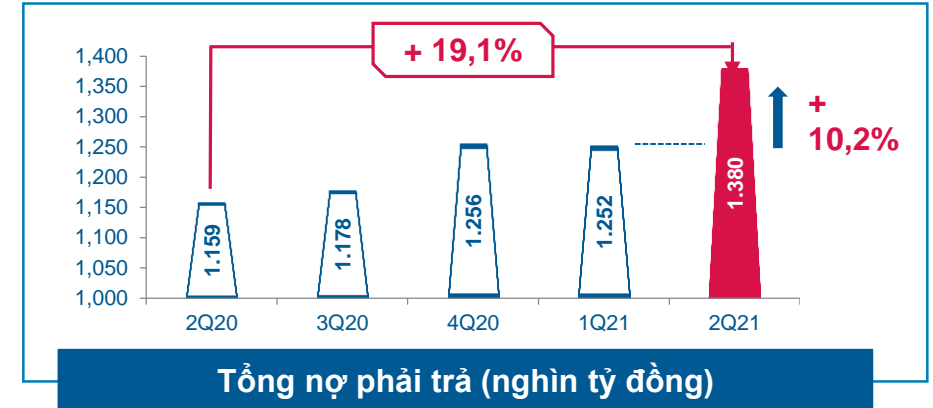
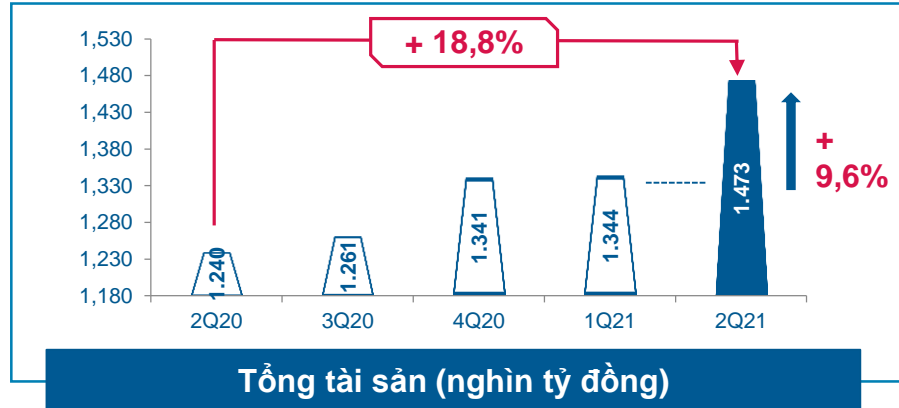
06 Khả năng sinh lời tốt, **ROA đạt 1,6% và ROE đạt 19,7%**.

01. Kết quả kinh doanh Quý II/2021 & 6T2021

Các chỉ tiêu quy mô tăng trưởng ổn định

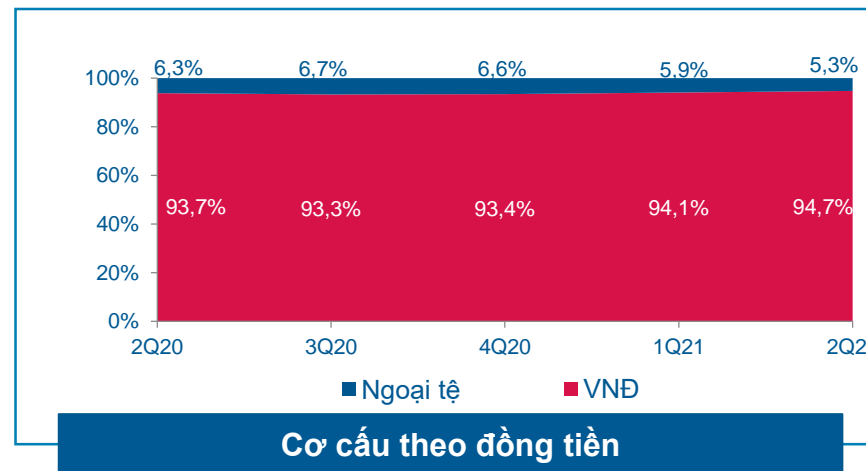
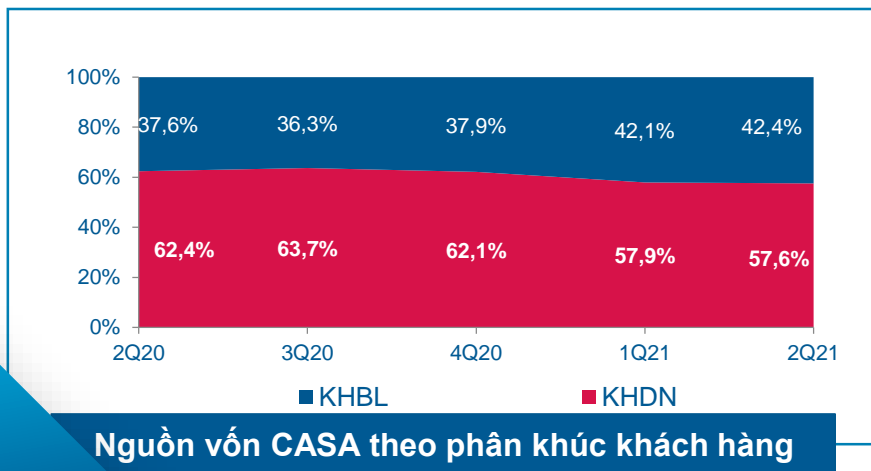
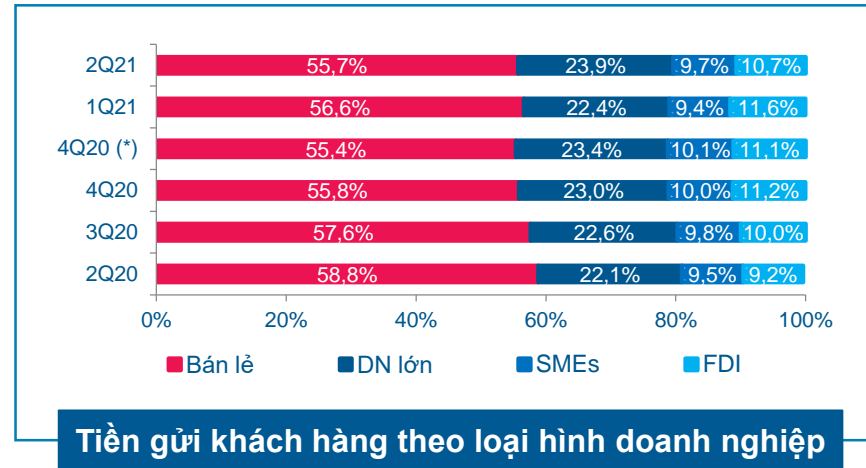
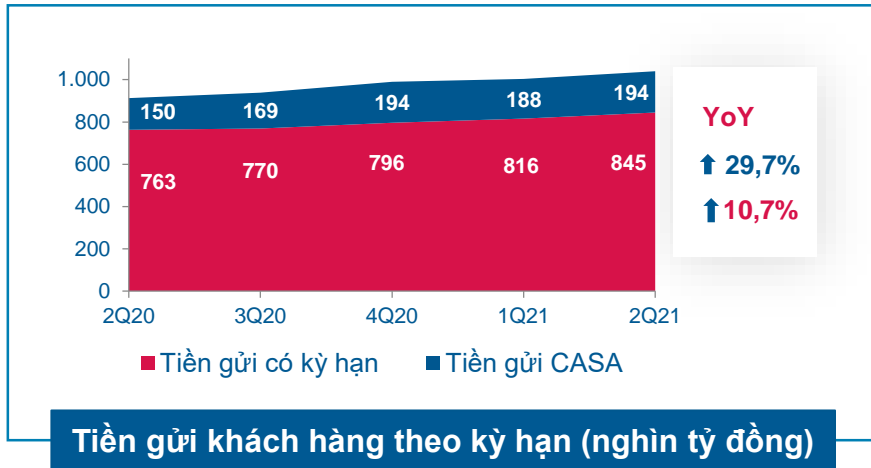


Các chỉ tiêu quy mô tăng trưởng tốt. Chủ động đa dạng hoá các kênh huy động vốn với chi phí hợp lý, cân đối với nhu cầu tăng trưởng tín dụng, tối ưu hiệu quả kinh doanh.



01. Kết quả kinh doanh Quý II/2021 & 6T2021

Cơ cấu nguồn vốn chuyển dịch tích cực

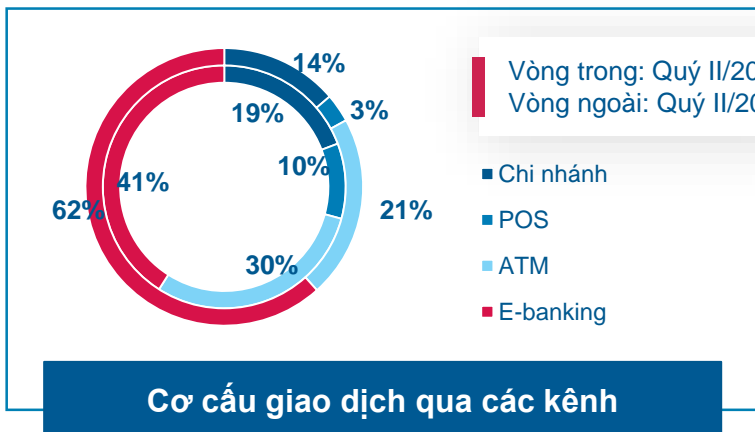
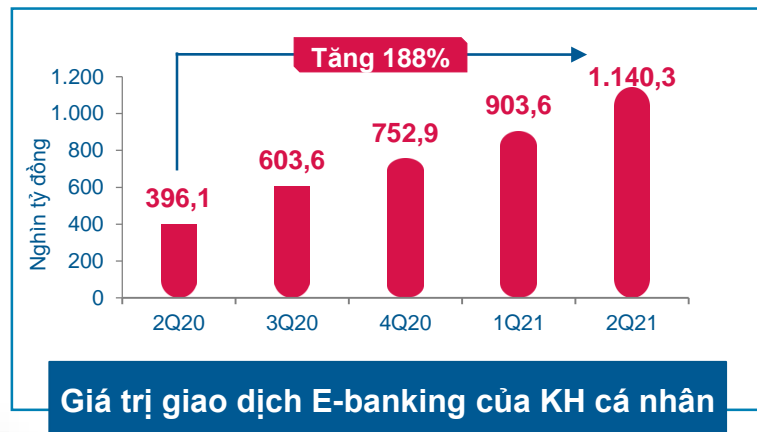
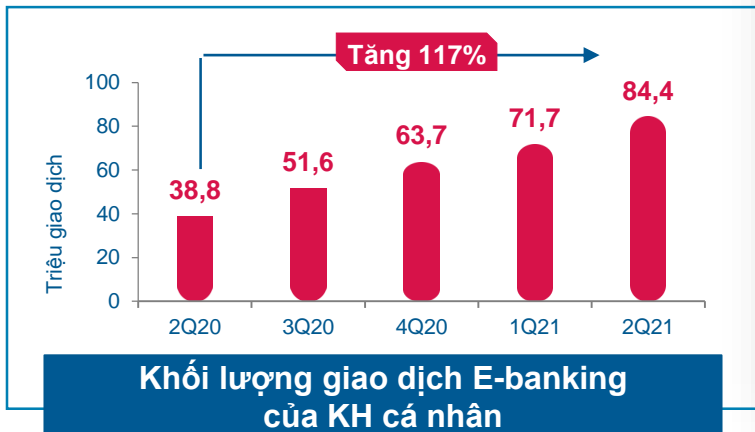
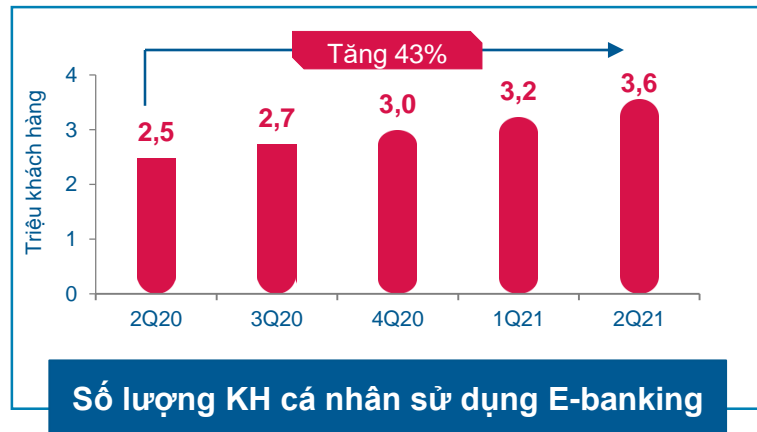


- Nguồn vốn tiếp tục tăng trưởng tích cực, tỷ trọng tiền gửi phân khúc khách hàng lớn và khách hàng SME gia tăng.
- Tiếp tục duy trì nguồn vốn CASA cao nhờ đẩy mạnh khai thác nguồn ngoại tệ từ phân khúc FDI, phát triển dịch vụ ngân hàng thanh toán, triển khai mạnh mẽ các nền tảng trực tuyến eFAST, iPay, eKYC... nhằm tối ưu hóa chi phí vốn.

(*): Tỷ trọng sau chuyển đổi phân khúc khách hàng khi VietinBank thực hiện đánh giá định kỳ vào đầu năm 2021

01. Kết quả kinh doanh Quý II/2021 & 6T2021

Tiếp tục duy trì nguồn vốn CASA cao nhờ đẩy mạnh số hóa dịch vụ tài chính cá nhân (iPay, eKYC...)



- VietinBank đầu tư phát triển ngân hàng số, tăng cường tiện ích cho KHBL theo hướng khuyến khích chuyển dịch từ kênh thanh toán tại quầy sang kênh thanh toán online.
- Số lượng khách hàng, khối lượng và giá trị giao dịch qua E-banking tăng trưởng mạnh mẽ.

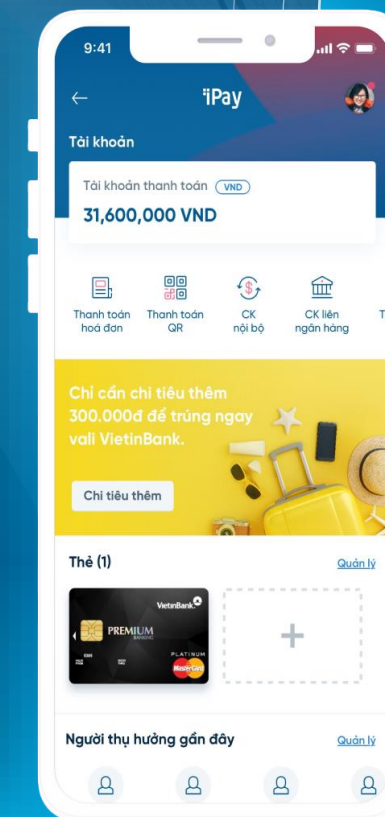


01. Kết quả kinh doanh Quý II/2021 & 6T2021

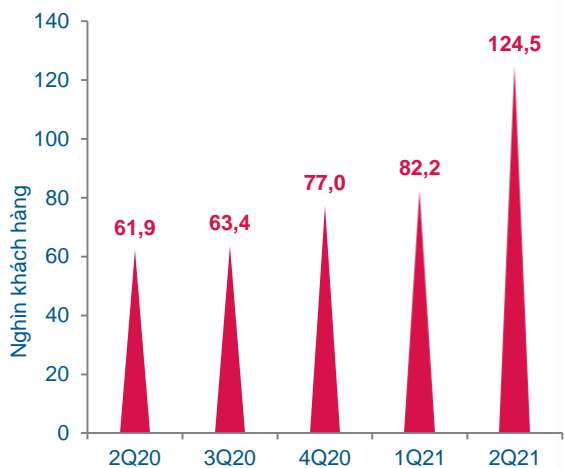
Tiếp tục duy trì nguồn vốn CASA cao nhờ đẩy mạnh số hóa dịch vụ tài chính cho KHDN (eFAST)



- VietinBank eFAST là ứng dụng hiện đại nhất, là kênh giao dịch thu hút CASA, tiết giảm chi phí vận hành và trở thành kênh giao dịch phổ biến cho KHDN trong thời gian qua nhờ tính năng nhanh, mạnh, an toàn, bảo mật và thuận tiện, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19.
- Khối lượng và giá trị giao dịch qua kênh điện tử eFAST tăng trưởng mạnh mẽ so với cùng kỳ năm ngoái.

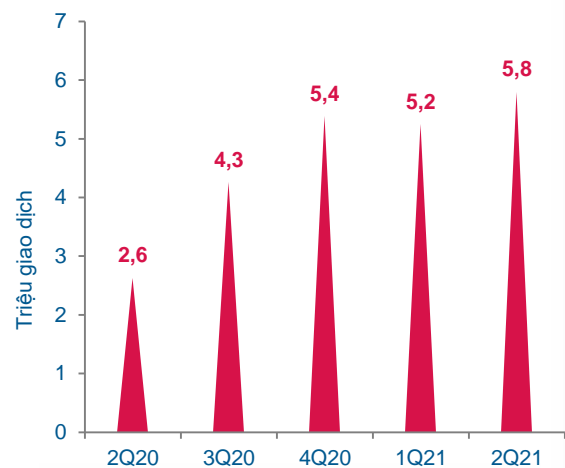


Số lượng KHDN sử dụng kênh điện tử



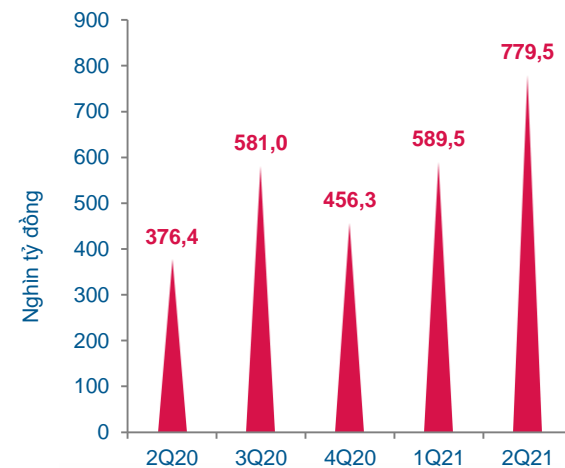
▲ 101%
về số lượng khách hàng (yoy)

Khối lượng giao dịch qua kênh điện tử của KHDN



▲ 122%
về khối lượng giao dịch (yoy)

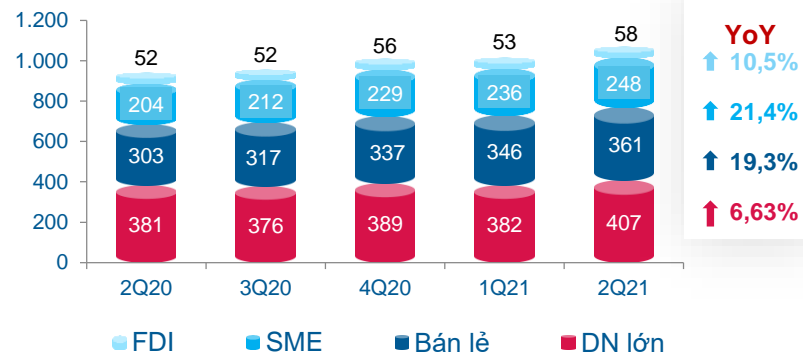
Giá trị giao dịch qua kênh điện tử của KHDN



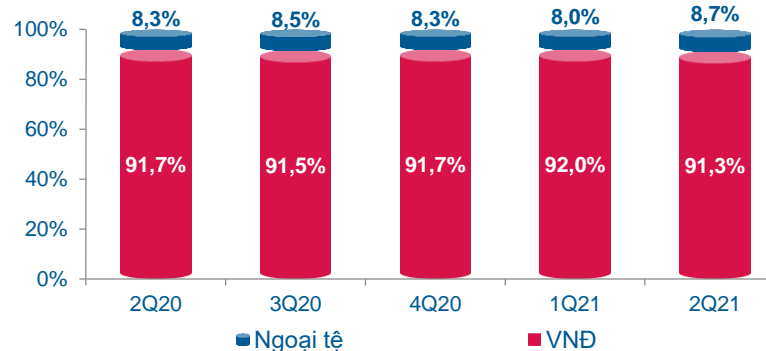
▲ 107%
về giá trị giao dịch (yoy)

01. Kết quả kinh doanh Quý II/2021 & 6T2021

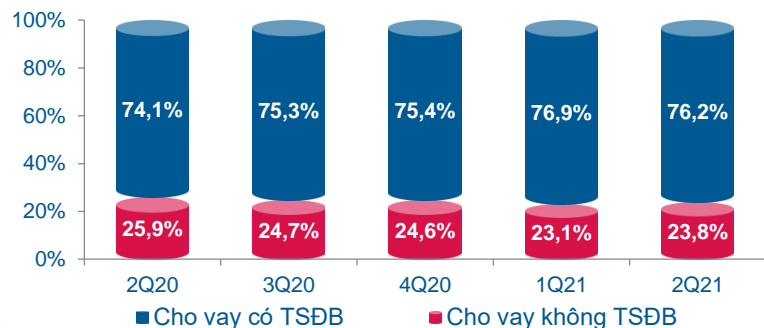
Cơ cấu cho vay chuyển dịch tích cực theo đúng chiến lược kinh doanh



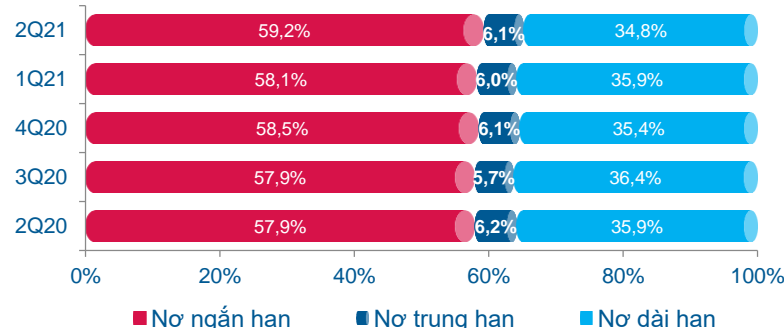
**Cho vay khách hàng theo phân khúc (*)
(nghìn tỷ đồng)**



Cơ cấu cho vay theo đồng tiền



Tỷ trọng cho vay có TSDB và không có TSDB



Cơ cấu cho vay theo kỳ hạn

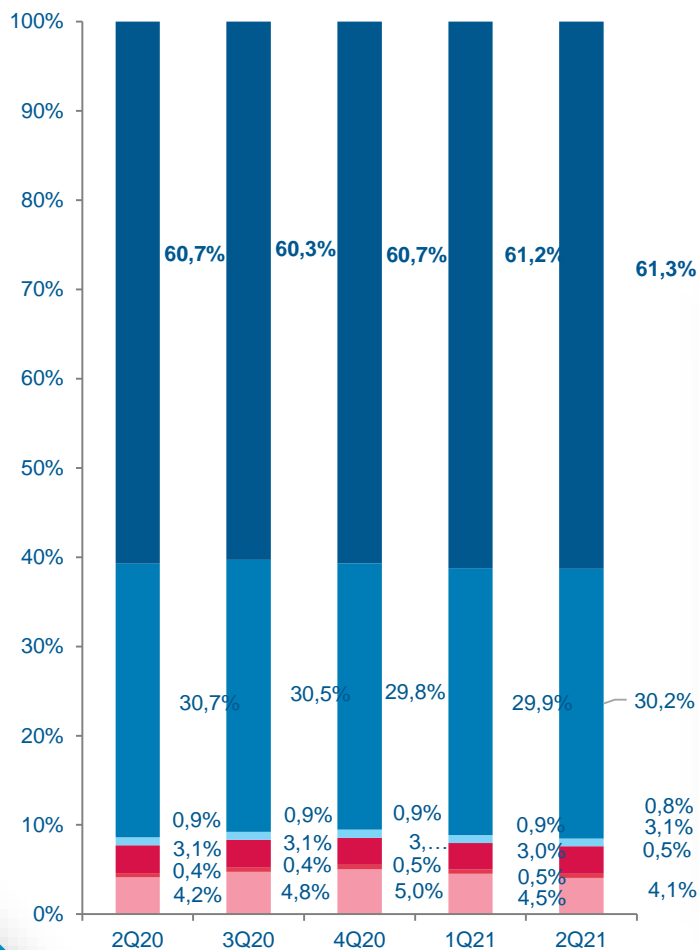
Tín dụng tiếp tục tăng trưởng bền vững theo định hướng tăng tỷ trọng các phân khúc sinh lời cao như bán lẻ và SMEs; cơ cấu danh mục tín dụng; đa dạng hóa và ưu tiên tín dụng cho sản xuất kinh doanh, phù hợp với nhu cầu và diễn biến từng ngành, lĩnh vực kinh tế.



(*): Số liệu tính toán lại sau chuyển đổi phân khúc khách hàng khi VietinBank thực hiện đánh giá định kỳ vào đầu năm 2021

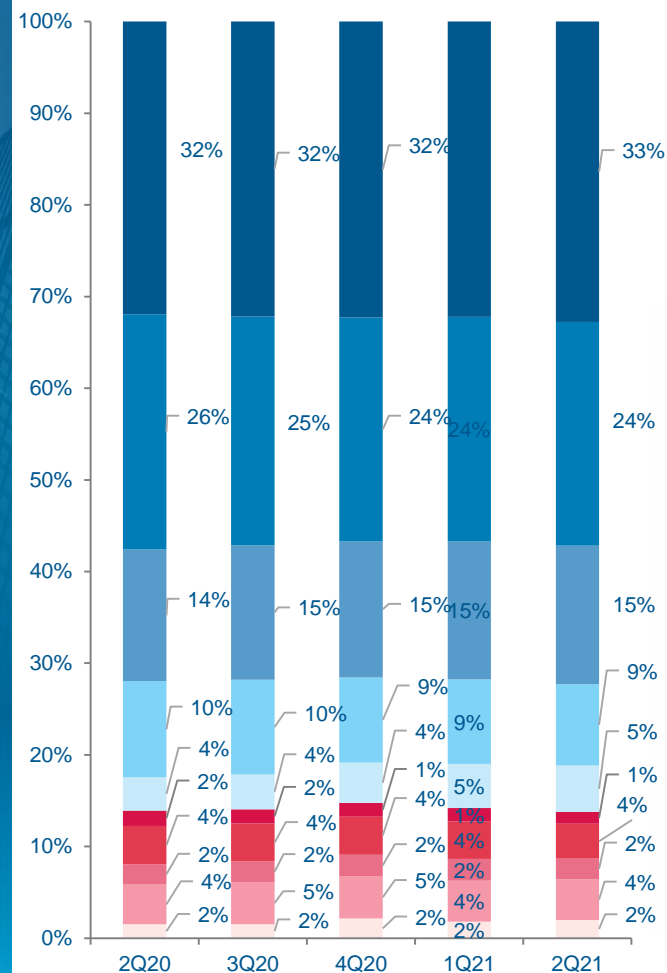
01. Kết quả kinh doanh Quý II/2021 & 6T2021

Chuyển dịch danh mục cho vay theo các sản phẩm, ngành nghề nhiều tiềm năng



Cơ cấu cho vay cá nhân theo sản phẩm

- Sản xuất kinh doanh
- Vay mua nhà
- Vay mua ô tô
- Vay tiêu dùng khác
- Thẻ tín dụng
- Sản phẩm khác



Cơ cấu cho vay theo ngành nghề

- Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy
- Công nghiệp chế biến, chế tạo
- Thương mại, dịch vụ
- Xây dựng
- SX&PP điện, khí đốt, nước nóng
- Khai khoáng
- Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
- Vận tải kho bãi và thông tin, truyền thông
- Hoạt động làm thuê hộ gia đình
- Các ngành khác

- Cơ cấu cho vay tập trung vào các ngành, lĩnh vực có tiềm năng phát triển như sản xuất và phân phối điện, khí đốt; Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô xe máy; **thương mại (vật liệu xây dựng, thực phẩm đồ uống, thiết bị y tế, cao su...)**;
- Cơ cấu cho vay cá nhân tập trung vào cho vay sản xuất kinh doanh và vay mua nhà. Tỷ trọng cho vay 02 lĩnh vực này cải thiện nhẹ so với cuối năm 2020 (tăng tương ứng 0,1% và 0,3%).

01. Kết quả kinh doanh Quý II/2021 & 6T2021

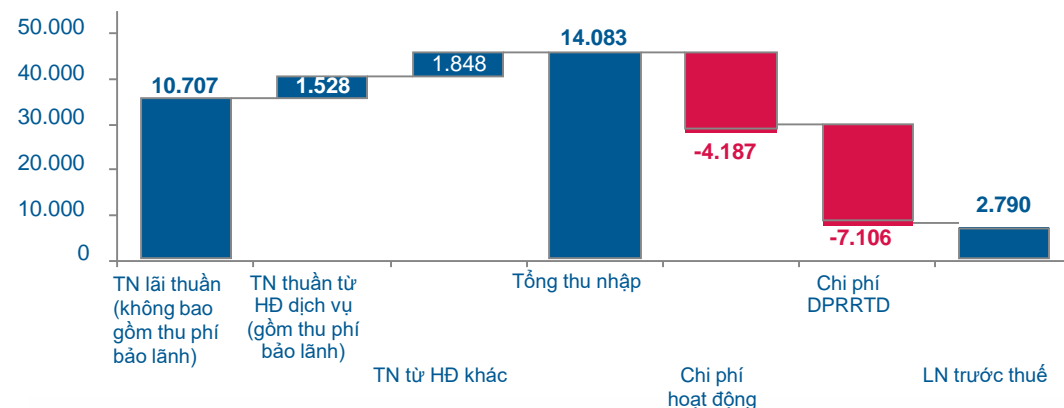
Lợi nhuận trước thuế tăng tích cực nhờ chiến lược kinh doanh hợp lý



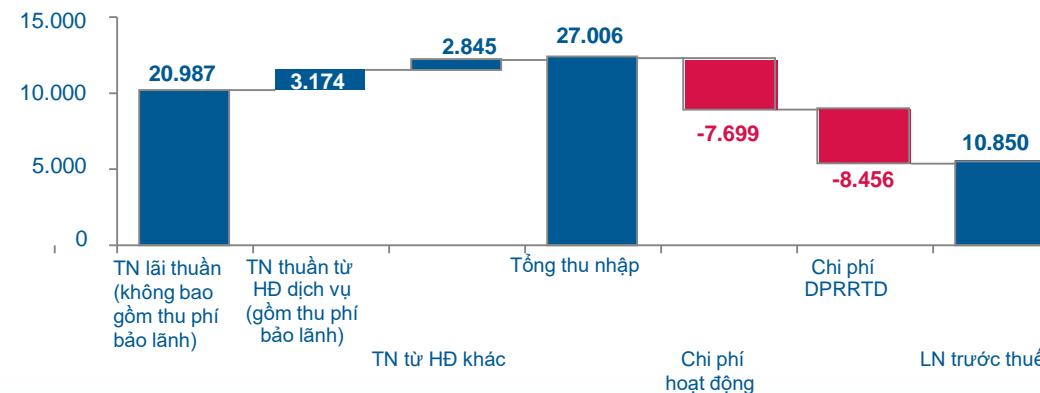
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT 6T2021 ĐẠT 10.850 TỶ ĐỒNG, TĂNG 45,5% YOY NHỜ:

- ✔ Thu nhập lãi thuần (không bao gồm bảo lãnh) tăng trưởng ổn định (32,3% yoy) nhờ cải thiện tính sinh lời của danh mục tín dụng và kiểm soát tốt chi phí vốn thông qua phát triển ngân hàng thanh toán (EFAST, EKYC) và đa dạng hóa kênh huy động vốn
- ✔ Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ (bao gồm bảo lãnh) tăng trưởng tốt (26,5% yoy) nhờ đẩy bán sản phẩm có thể mạnh như TTTM, chuyển tiền, dịch vụ thẻ...và kiểm soát các khoản chi dịch vụ để tối ưu hóa hiệu quả quản trị chi phí
- ✔ Thu hồi nợ xấu đã xử lý rủi ro tăng mạnh (97,8% yoy)
- ✔ Kiểm soát chi phí hiệu quả, tỷ lệ CIR giảm so với cùng kỳ năm 2020
- ✔ Chủ động trích lập dự phòng rủi ro bổ sung theo TT03 thận trọng hơn mức quy định của NHNN

Cấu phần lợi nhuận 2Q2021 (tỷ đồng)



Cấu phần lợi nhuận 6T2021 (tỷ đồng)



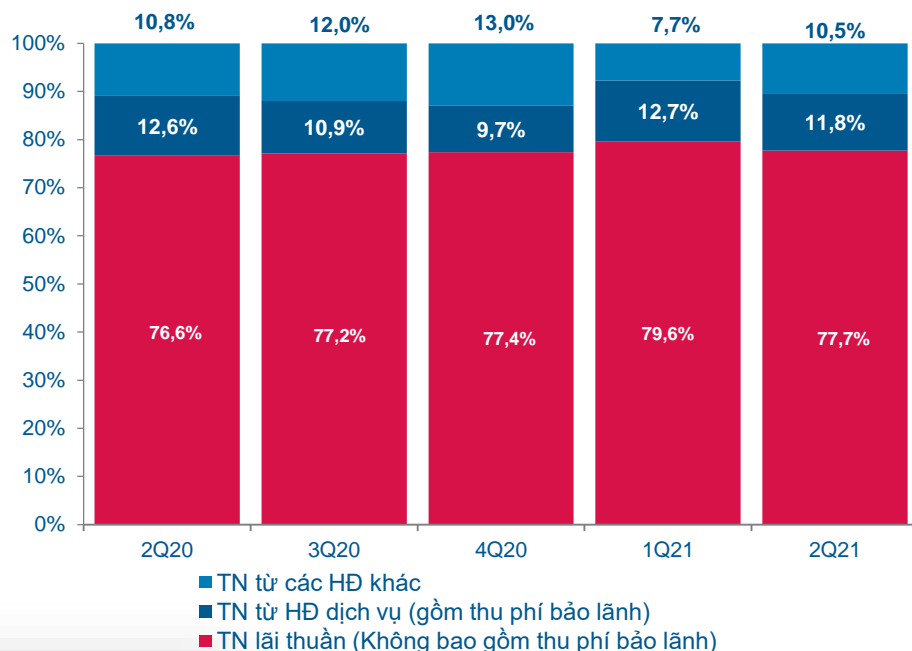
yoy +40,1% | +21,8% | +71,9% | +41,2% | +27,6% | +222% | -37,8%

yoy +32,3% | +26,5% | 24,7% | +30,7% | +16,7% | +28,1% | +45,5%

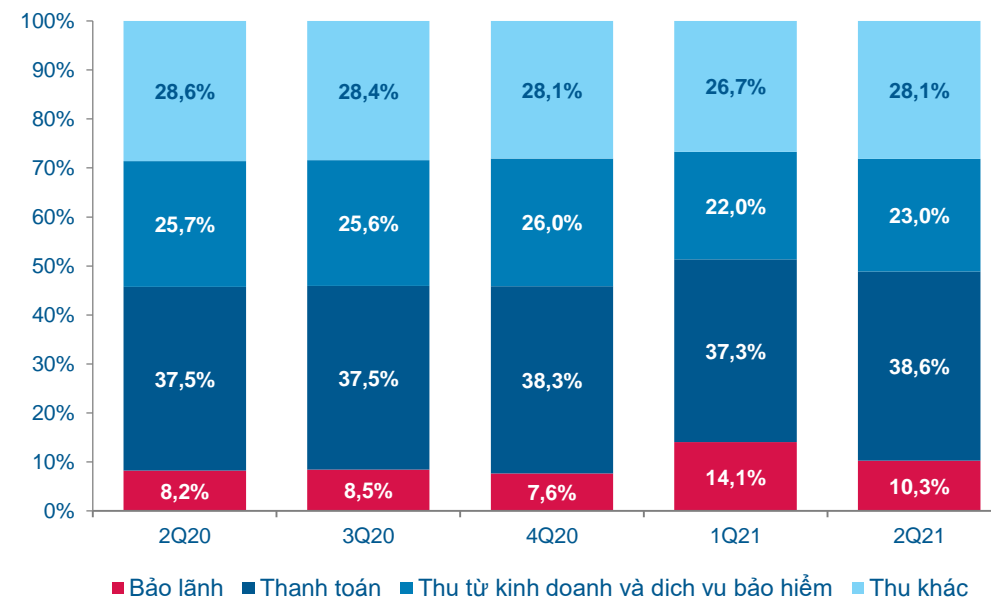
01. Kết quả kinh doanh Quý II/2021 & 6T2021

Chuyển dịch cơ cấu thu nhập, tăng thu ngoài lãi

Cơ cấu các khoản thu nhập hoạt động



Cơ cấu các khoản thu phí dịch vụ



THỊ PHẦN

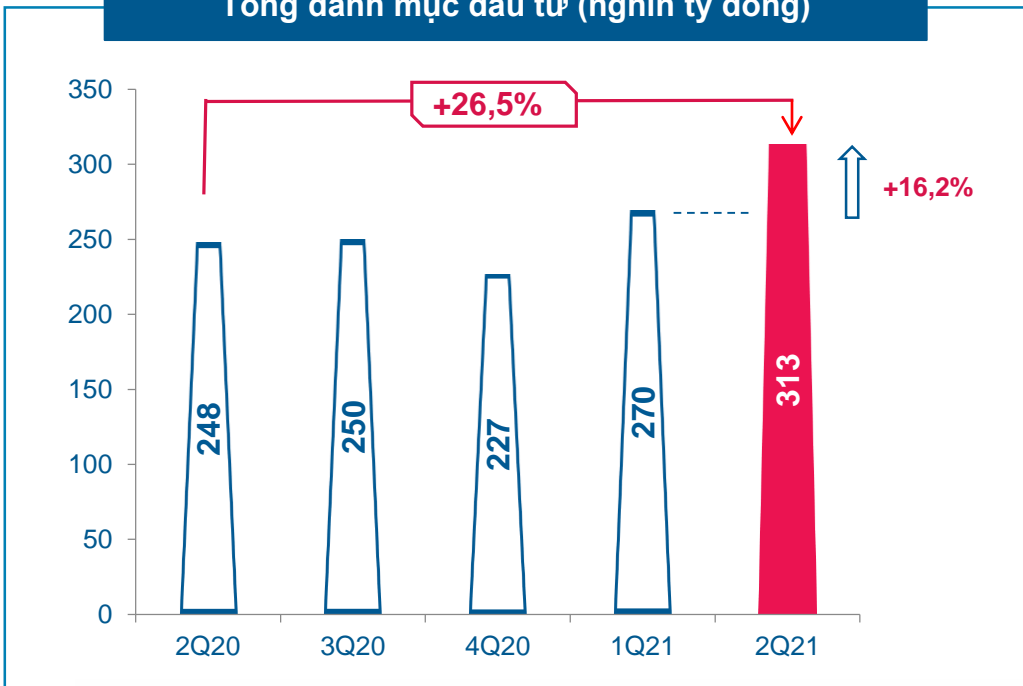
- 11,3%** Thanh toán XNK trong 6T2021
- 12,3%** Kinh doanh ngoại tệ trên TT1 trong 6T2021
- 13-16%** Kinh doanh ngoại tệ trên TT2 trong 6T2021
- 14,2%** Doanh số thanh toán thẻ VietinBank năm 2020

- **Tổng thu nhập hoạt động 6T2021** đạt 27.006 tỷ đồng (+30,7% yoy) nhờ tăng ở các mảng hoạt động: thu nhập lãi thuần, thu thuần dịch vụ, thu nhập từ góp vốn mua cổ phần, thu nhập từ hoạt động khác
- **Thu thuần từ hoạt động dịch vụ (bao gồm bảo lãnh)** đạt **3.174 tỷ đồng (+26,5% yoy)** nhờ triển khai các biện pháp thúc đẩy bán sản phẩm có thể mạnh như TTTM, chuyển tiền, dịch vụ thẻ (*thu bảo lãnh tăng 53,4% yoy, thu thanh toán tăng 27% yoy*) ... đồng thời kiểm soát các khoản chi dịch vụ để tối ưu hóa hiệu quả quản trị chi phí.

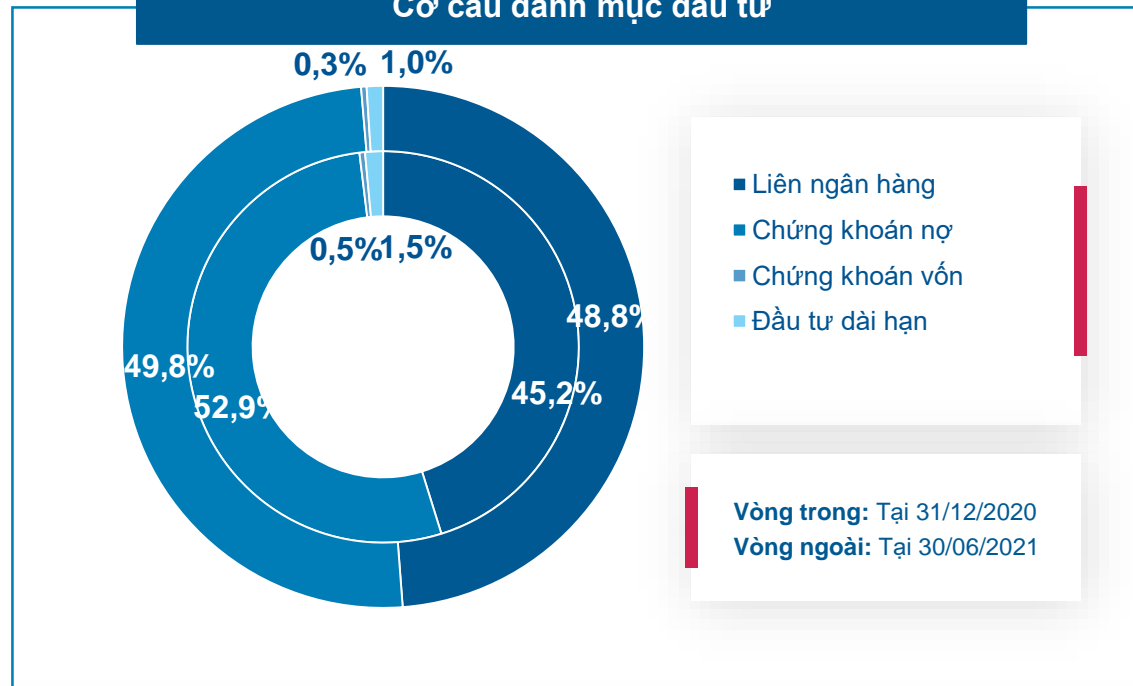
01. Kết quả kinh doanh Quý II/2021 & 6T2021

Danh mục đầu tư linh hoạt, an toàn và đa dạng

Tổng danh mục đầu tư (nghìn tỷ đồng)



Cơ cấu danh mục đầu tư

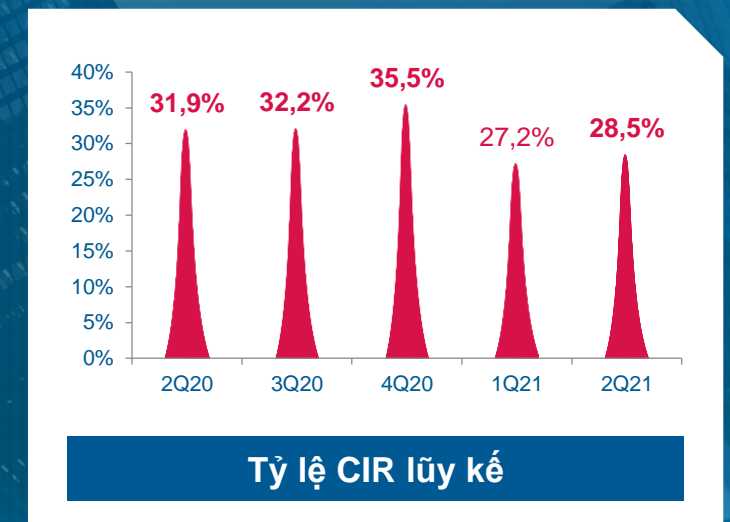
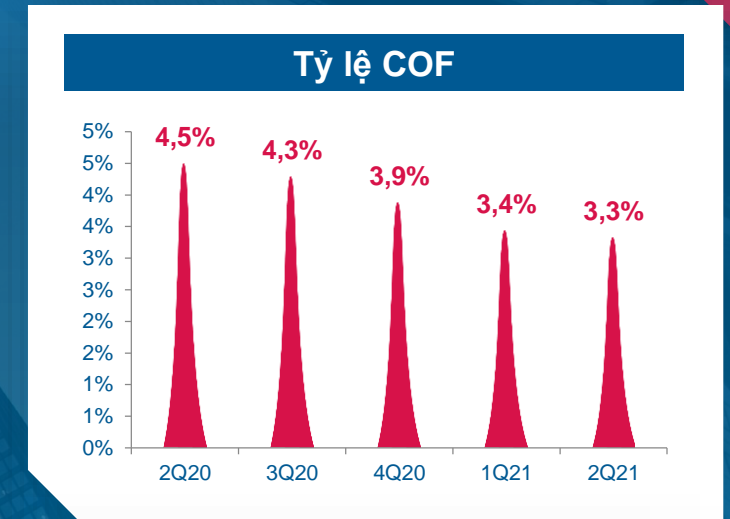
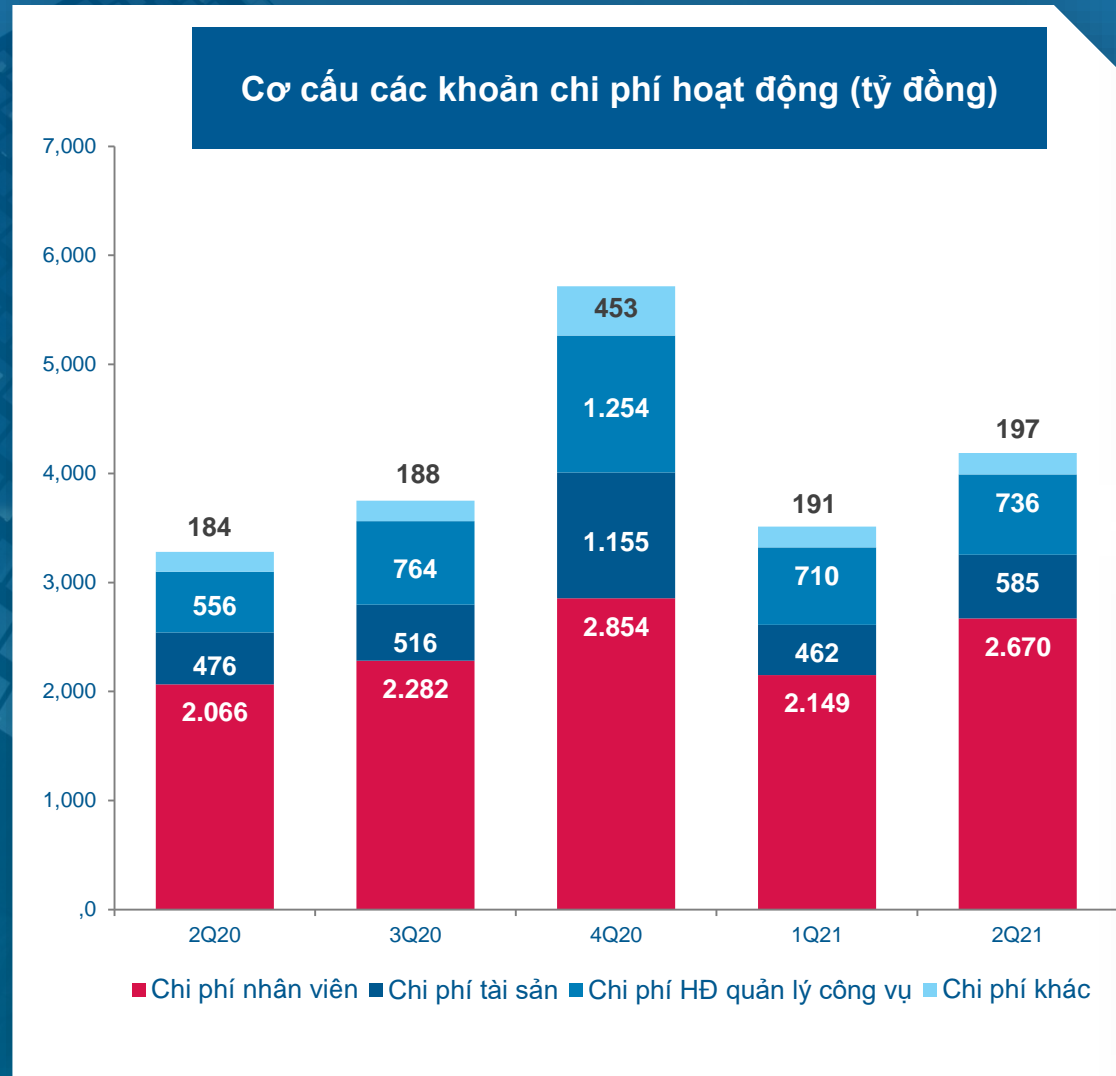


VietinBank chủ động, linh hoạt cơ cấu danh mục đầu tư theo diễn biến thị trường nhằm mục tiêu tối ưu hóa lợi nhuận.

01. Kết quả kinh doanh Quý II/2021 & 6T2021

Quản trị, kiểm soát chi phí hiệu quả

- Tỷ lệ CIR 6T2021 ở mức thấp là 28,5%, giảm 3,4% so với cùng kỳ năm 2020. Chênh lệch thu - chi tiếp tục đạt mức cao.
- Tỷ lệ COF cuối Quý II/2021 là 3,33%, giảm 1,17 điểm % so với cùng kỳ năm 2020. VietinBank thực hiện cắt giảm lãi suất cho vay, phí để hỗ trợ doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 nhưng nhờ áp dụng các biện pháp kiểm soát, đa dạng hoá các kênh huy động với chi phí hợp lý nên đã tiết giảm tối đa chi phí vốn.



01. Kết quả kinh doanh Quý II/2021 & 6T2021

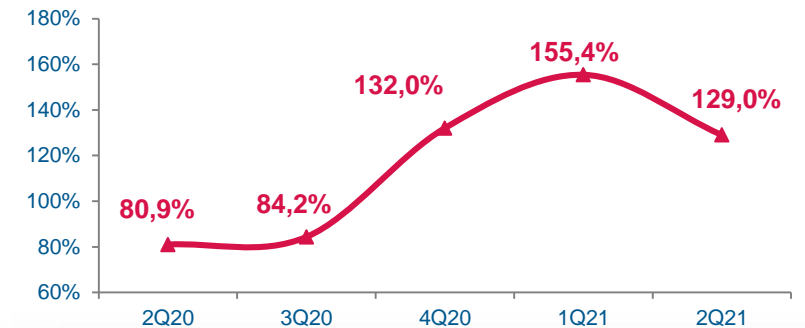
Chất lượng nợ tiếp tục được kiểm soát



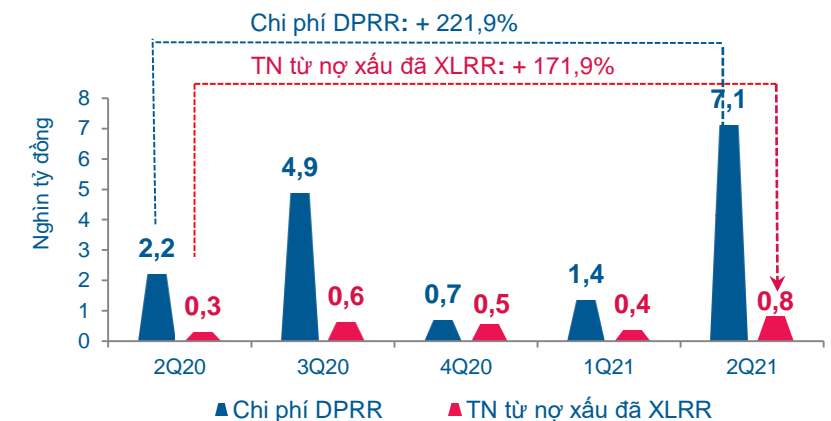
Tỷ lệ nợ xấu

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng, thu hồi nợ xấu đã xử lý rủi ro (+171,9% yoy).
- Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ cho vay cuối Quý II/2021 ở mức 1,34%. Tỷ lệ nợ xấu tăng so với Quý I/2021 do chủ động cơ cấu nợ tổng thể cho một số khách hàng lớn để đảm bảo các khách hàng này có thể tiếp tục duy trì hoạt động cũng như phục hồi phát triển trở lại trong thời gian tới.
- VietinBank chủ động trích lập dự phòng rủi ro bổ sung theo TT03 thận trọng hơn mức quy định của NHNN nhằm nâng cao năng lực quản trị rủi ro, tăng khả năng chống chịu trước các biến động bất lợi của nền kinh tế.
- Chi phí DPRR trong Quý II/2021 là 7,1 nghìn tỷ đồng (+ 221,9% yoy) và trong 6T2021 là 8,46 nghìn tỷ đồng (+28% yoy). Tỷ lệ bao phủ nợ xấu tại 30/06/2021 là 129%.

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu



Chi phí DPRR và thu hồi nợ xấu đã XLRR

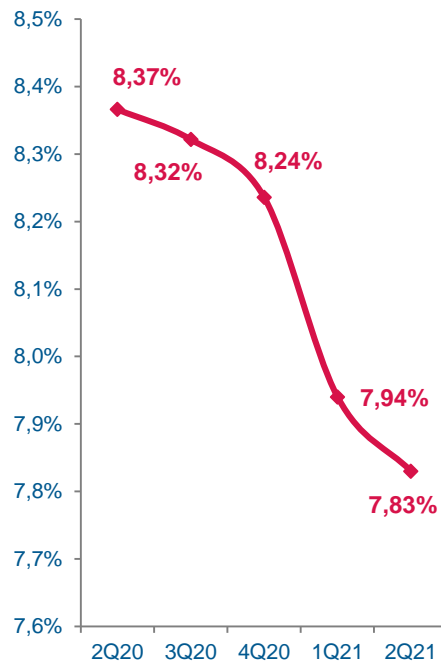


01. Kết quả kinh doanh Quý II/2021 & 6T2021

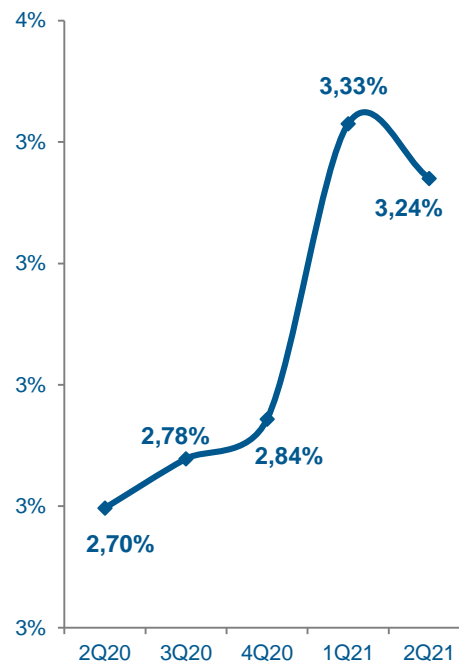
Hiệu quả kinh doanh và khả năng sinh lời tốt

- Hiệu quả kinh doanh và khả năng sinh lời (ROA, ROE) tốt
- NIM được kiểm soát chặt chẽ và tiếp tục duy trì ở mức cao so với năm 2020

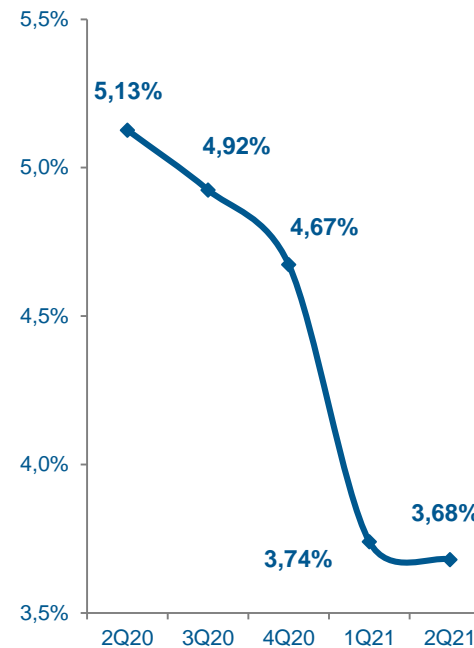
Lãi suất cho vay



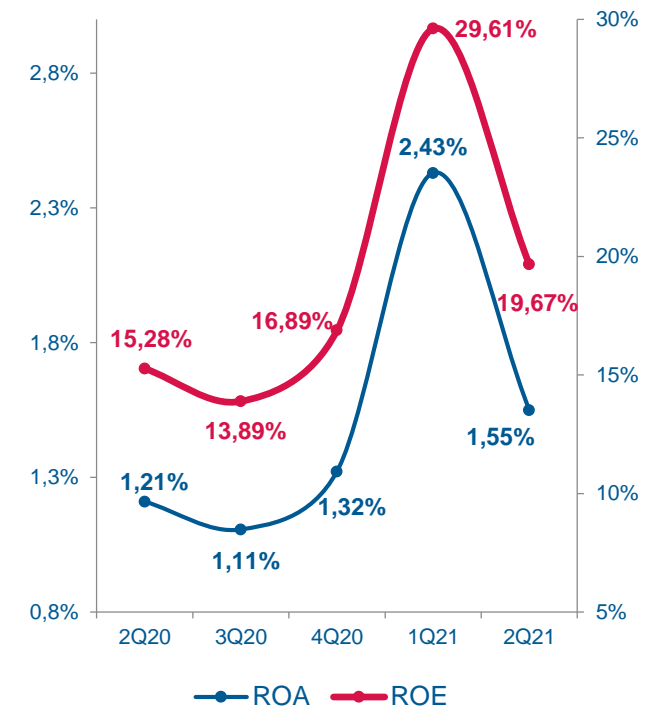
NIM



Lãi suất huy động

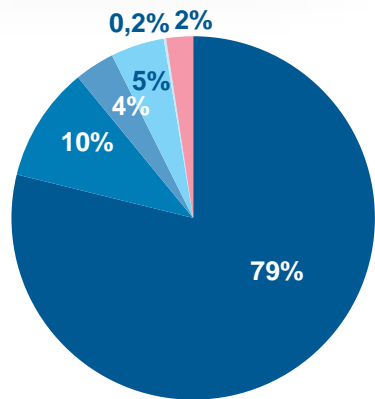


ROA, ROE

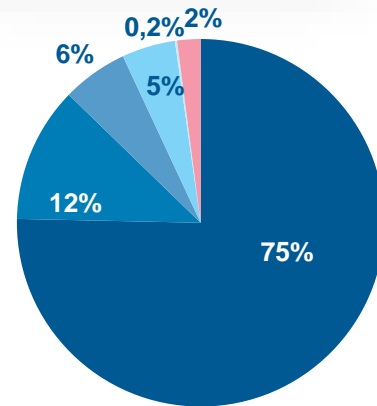


01. Kết quả kinh doanh Quý II/2021 & 6T2021 Thanh khoản duy trì ổn định

2020:
1.256 nghìn tỷ đồng



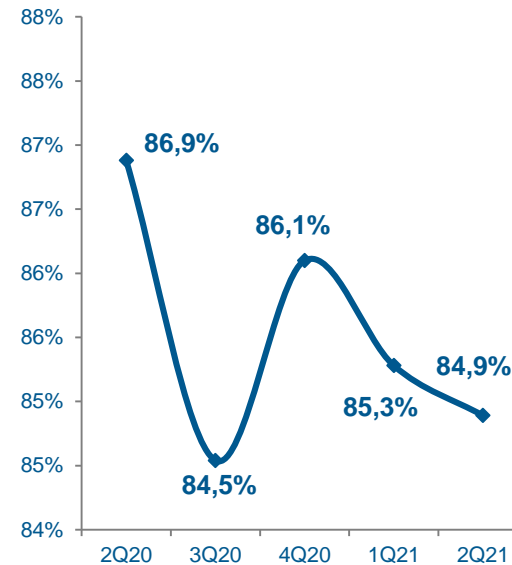
Quý II/2021:
1.380 nghìn tỷ đồng



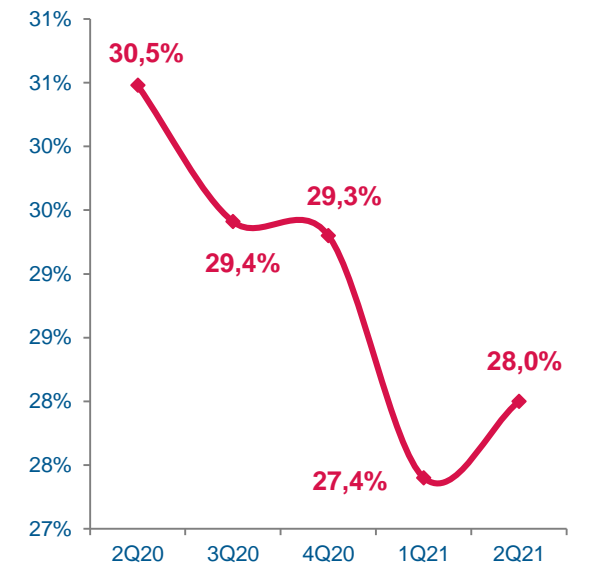
Cơ cấu huy động vốn

- Tiền gửi khách hàng
- Tiền gửi và vay các TCTD khác
- Vay Chính phủ và NHNN
- Phát hành giấy tờ có giá
- Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư
- Nguồn huy động khác

Tỷ lệ LDR



Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn



- Áp dụng chiến lược điều hành cân đối vốn linh hoạt, tận dụng tối đa các nguồn vốn có chi phí hợp lý, đảm bảo thanh khoản.
- Các chỉ tiêu thanh khoản được đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.

01. Kết quả kinh doanh Quý II/2021 & 6T2021

Triển khai áp dụng Basel II từ 01/01/2021 và tăng vốn điều lệ từ 30/7/2021



VietinBank chính thức áp dụng Basel II từ ngày 01/01/2021 và đã hoàn thành các thủ tục tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế và trích quỹ các năm 2017, 2018 và phần lợi nhuận còn lại sau thuế, trích quỹ và chia cổ tức bằng tiền mặt của năm 2019; tạo tiền đề để tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị, năng lực tài chính, cải thiện chất lượng tài sản về chất, tăng khả năng sinh lời gắn liền với QTRR.

03 TRỤ CỘT CỦA BASEL II



Kết luận cuộc họp Ban chỉ đạo Basel II NHNN lần 3

Lộ trình thực hiện Basel II

TRỤ CỘT I
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

TRỤ CỘT II
Quy trình Giám sát

TRỤ CỘT III
Kỷ luật thị trường



Thông tư 41/2016/TT-NHNN

Quy định Tỷ lệ An toàn Vốn

- Phương pháp tính CAR theo Basel II Tiêu chuẩn
- Yêu cầu về dữ liệu
- Yêu cầu về Hệ thống

- Mẫu biểu báo cáo, công bố thông tin



Thông tư 13/2018/TT-NHNN

Quy định Hệ thống Kiểm soát nội bộ

- Cơ cấu quản trị, giám sát
- Quy định về QLRR
- ICAAP
- KTNB

- Công bố thông tin theo Basel II

Năm 2013

2014 - 2021

Giai đoạn tiếp theo

QUY ĐỊNH CỦA NHNN VỀ BASEL II

Đánh giá GAP, hoàn thành 100% dự án, giao đoạn đúng tiến độ để đóng các chênh lệch trọng yếu tương ứng với quy định tại TT41 và TT13 theo 7 hợp phần: ICAAP, RRTD, RRTT, RRTK/LS, RRHD, Dữ liệu, CNTT.

- Sẵn sàng phương pháp luận tính CAR theo phương pháp Tiêu chuẩn tại TT41
- Đáp ứng các yêu cầu của Trụ cột 2 tại TT13
- Nâng cao năng lực QTRR và quản trị vốn theo thông lệ quốc tế.
- Tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận để lại 2017-2019

Chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để triển khai các dự án theo phương pháp nâng cao theo định hướng của NHNN

CHƯƠNG TRÌNH BASEL II VÀ TĂNG VỐN TẠI VIETIN-BANK

CHÍNH THỨC ÁP DỤNG BASEL II – TT41 TỪ 1/1/2021 VÀ HẠCH TOÁN VỐN ĐIỀU LỆ MỚI (48.058 NGHÌN TỶ ĐỒNG) TỪ 30/7/2021

TRIỂN VỌNG

Năm 2021

Dự báo
kinh tế vĩ mô

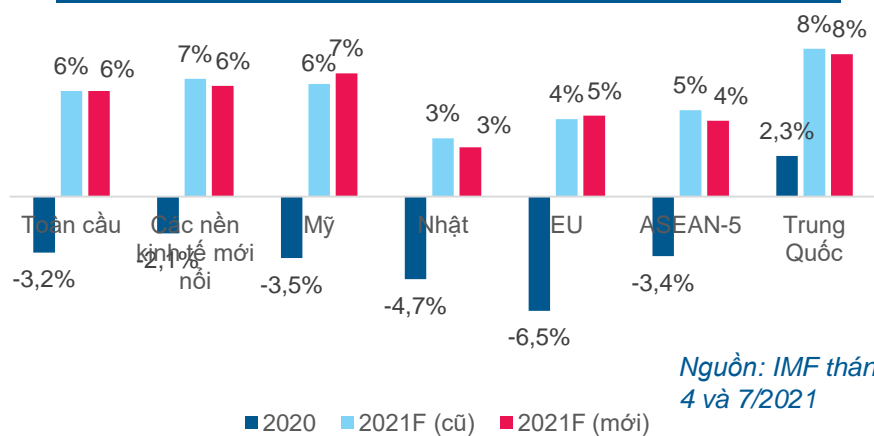
Dự báo hoạt động
ngành ngân hàng

Kế hoạch kinh doanh năm
2021 của VietinBank

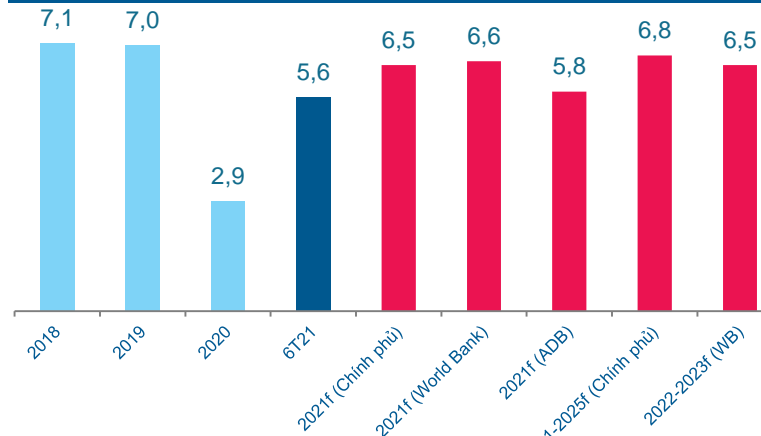


02. Triển vọng năm 2021 Dự báo kinh tế vĩ mô

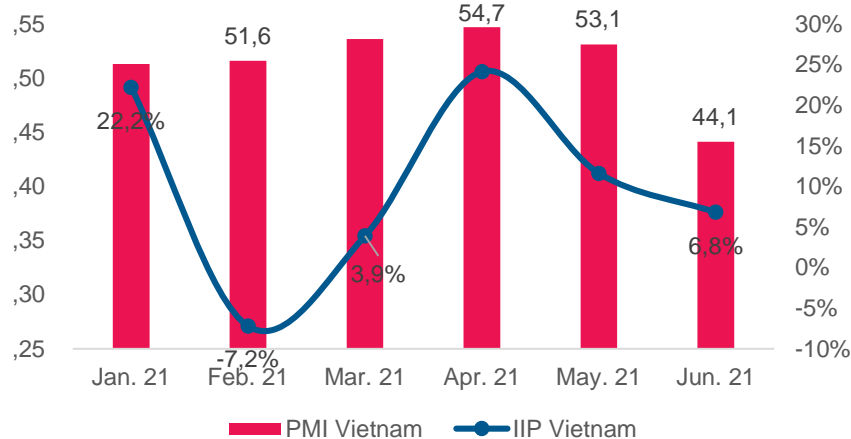
Tăng trưởng GDP thế giới (%)



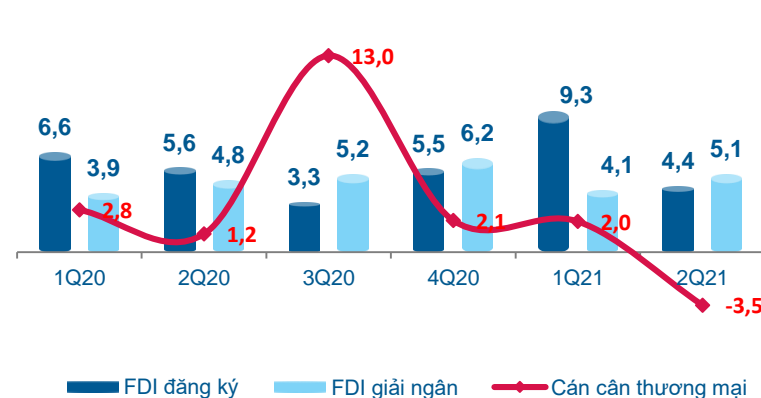
Tăng trưởng GDP của Việt Nam (%)



Chỉ số PMI và Chỉ số IIP (%)



Cán cân thương mại và Vốn FDI (tỷ USD)

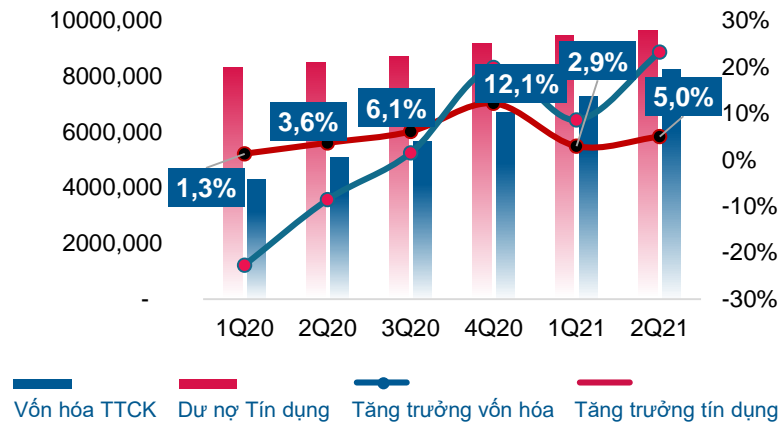


- IMF hạ dự báo tăng trưởng 2021 đối với KV vực châu Á mới nổi do biến chứng Covid mới và tốc độ tiêm vaccine còn chậm.
- Kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm 2021 tăng 5,6%, CPI tăng 1,47% thấp nhất kể từ 2016. Các chỉ số sản xuất công nghiệp IIP, PMI đều giảm trong Quý 2/2021 do đợt bùng phát dịch bệnh mới. Một số tỉnh/thành phố đã thực hiện giãn cách theo chỉ thị 16 để kiểm soát tốc độ lây lan của dịch. Chính quyền và người dân tích cực chung tay chống dịch và duy trì sản xuất.
- Tốc độ giải ngân vốn FDI được cải thiện nhằm mở rộng sản xuất, đáp ứng nhu cầu hàng hóa tăng cao.

Nguồn: TCTK, IHS Markit

02. Triển vọng năm 2021 Tổng quan kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng

Tăng trưởng Vốn hóa TTCK và Tín dụng



Nguồn: SBV, SSC

Diễn biến lãi suất liên ngân hàng trong năm (%)



- NHNN đã yêu cầu 16 NHTM tiếp tục giảm lãi suất tín dụng với các khoản dư nợ hiện hữu ngay trong tháng 7.
- Một số ngân hàng đã được NHNN cho phép tăng “room” tín dụng trong những tháng cuối năm.
- Các TCTD kiến nghị sửa đổi 1 số điểm của TT 03, thay thế TT 01.

Mức giảm lãi suất tín dụng phổ biến từ 0,5-2% đối với khoản vay hiện hữu và vay mới, tập trung vào các đối tượng bị ảnh hưởng bởi đại dịch

Dựa theo tiềm năng tăng trưởng và các tỉ lệ an toàn, mức tăng trưởng tín dụng mới được cấp cho các Ngân hàng này cao hơn từ 3,5 – 6 % so với đầu năm

Các TCTD kiến nghị NHNN mở rộng thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ; mở rộng thời gian phát sinh nghĩa vụ trả nợ

- Tín dụng tăng trưởng tốt trong Q2/2021, cao hơn cùng kỳ. Vốn hóa TTCK vượt xa tăng trưởng tín dụng khi TTCK thu hút lượng lớn tiền nhàn rỗi.
- Thanh khoản hệ thống tiếp tục ổn định, mặt bằng lãi suất huy động duy trì ở mức thấp. Lãi suất LNH tăng mạnh trong tháng 4 và 5, một phần do mất cân đối giữa tín dụng và huy động TT1.
- Các quy định pháp lý ảnh hưởng đến hoạt động ngành ngân hàng có hiệu lực: TT 03 sửa đổi TT 01 về hỗ trợ Covid-19 chính thức có hiệu lực; TT 01 cho phép TCTD mua chéo trái phiếu sơ cấp của nhau; NHNN ban hành Kế hoạch chuyển đổi số ngành Ngân hàng.

02. Triển vọng năm 2021 Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của VietinBank (*)

<p>TỔNG TÀI SẢN</p> <p>▲ 6% - 10%</p> <p>(30/06/2021: +9,8%)</p>	<p>DƯ NỢ TÍN DỤNG</p> <p>▲ 7,5%</p> <p>(30/06/2021: +5,6%)</p>	<p>NGUỒN VỐN</p> <p>▲ 8% - 12%</p> <p>(30/06/2021: +5%)</p>
<p>TỶ LỆ NỢ XẤU</p> <p>< 1,5%</p> <p>(30/06/2021: 1,34%)</p>	<p>LN TRƯỚC THUẾ</p> <p>Dự kiến 16.800 tỷ đồng (RL) và được điều chỉnh theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (VietinBank tiếp tục cải thiện mạnh mẽ hiệu quả kinh doanh, thực hiện tốt vai trò ngân hàng chủ lực, trụ cột và chủ đạo của nền kinh tế)</p> <p>(6T2021: 10.850 tỷ đồng)</p>	<p>CỔ TỨC</p> <p>Tỷ lệ chi trả cổ tức và cơ cấu chi trả cổ tức (tiền mặt, cổ phiếu) thực hiện theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và tuân thủ quy định của pháp luật</p>

- Chuyển dịch cơ cấu khách hàng theo hướng tập trung vào các phân khúc có hiệu quả sinh lời cao như SMEs và Khách hàng bán lẻ, ưu tiên nguồn lực tăng trưởng tín dụng cho các ngành nghề tiềm năng như chế biến chế tạo, năng lượng, dịch vụ/hàng hóa thiết yếu...và các vùng kinh tế trọng điểm là động lực tăng trưởng kinh tế của cả nước
- Tăng trưởng nguồn vốn phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn, cân đối với tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng
- Tập trung đẩy mạnh các mảng hoạt động thu ngoài lãi bao gồm TTTM, Bảo lãnh, Bancassurance, thu phí thẻ và các loại phí mới thông qua việc cung cấp SPDV và giải pháp tài chính toàn diện cho khách hàng
- Kiểm soát chất lượng tài sản có, tăng cường kiểm soát RWA và phát triển các công cụ, mô hình đo lường quản trị rủi ro nhằm duy trì tỷ lệ nợ xấu thấp và giảm chi phí DPRR
- Quản trị chi phí hiệu quả, ưu tiên nguồn lực đầu tư vào chuyển đổi số toàn diện hoạt động ngân hàng và các dự án chuyển đổi lớn.

(*) Theo phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên 2021 ngày 16/4/2021, trong đó : (i) Dư nợ tín dụng theo phê duyệt của NHNN, tăng trưởng tối đa 7,5% (Mức tăng trưởng cụ thể theo điều hành CSTT, chỉ tiêu do NHNN giao và nhu cầu cần thiết của nền kinh tế); (ii) Nguồn vốn tăng trưởng 8-12%, có điều chỉnh phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN.

02. Triển vọng năm 2021 Các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua làn sóng COVID - 19

THỜI GIAN ÁP DỤNG

Theo hiệu lực của chính sách hỗ trợ hiện tại và diễn biến thực tế của dịch COVID-19

ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Khách hàng chịu tác động tiêu cực của dịch bệnh COVID-19

TOP NHÓM KHBL ĐƯỢC HỖ TRỢ

- ❖ Dịch vụ lưu trú và ăn uống
- ❖ Hoạt động dịch vụ khác
- ❖ Cho vay tiêu dùng

TOP NHÓM KHDN ĐƯỢC HỖ TRỢ

- ❖ Dịch vụ lưu trú và ăn uống
- ❖ Xây dựng cơ bản
- ❖ Vận tải
- ❖ Nông nghiệp, lâm nghiệp
- ❖ Dệt may
- ❖ Kho bãi và dịch vụ hỗ trợ cho vận tải

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HIỆN TẠI

KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP (hiệu lực đến 30/9/2021)

- ❖ **Giảm lãi suất:** Hỗ trợ về LSCV ngắn hạn và trung dài hạn tới 1%/năm.
- ❖ **Chính sách khác:**
 - Cải thiện mạnh mẽ sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao; nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.
 - Ưu đãi phí Thanh toán quốc tế & Tài trợ thương mại và phí dịch vụ VietinBank eFAST- gói tài chính.

KHÁCH HÀNG BÁN LẺ (hiệu lực đến 15/01/2022)

- ❖ **Giảm lãi suất:** Hỗ trợ về LSCV ngắn hạn mới mức giảm lãi suất tối đa 0,5%/năm; hỗ trợ về LSCV trung dài hạn.
- ❖ **Chính sách khác:**
 - Cải thiện mạnh mẽ sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao; nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.
 - Hỗ trợ số tiền thu hồi ưu đãi lãi suất và/hoặc phí trả nợ trước hạn trong trường hợp khách hàng nỗ lực thu xếp dòng tiền để trả nợ trước hạn cho VietinBank.

Diễn biến giao dịch
cổ phiếu CTG



Bảng cân đối
kế toán



Báo cáo kết quả
hoạt động kinh doanh

Website Quan hệ
Nhà đầu tư



PHỤ LỤC

Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG

Chỉ tiêu

Giá trị

Giá phiên giao dịch đầu năm 2021 (04/01/2021)

35.550 đồng/cp

Giá phiên giao dịch cuối Quý II năm 2021 (30/06/2021)

52.700 đồng/cp

Biến động giá trong 6T2021

30.350 – 54.400 đồng/cp

Khối lượng giao dịch

1.799.699.618 cp

Giá trị giao dịch

77.201 tỷ đồng

Khối lượng giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài

Bán ròng 129.833.859 cp

Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài (30/06/2021)

25,09%

EPS (30/06/2021)

593 đồng/cp

P/E (30/06/2021)

88,93x

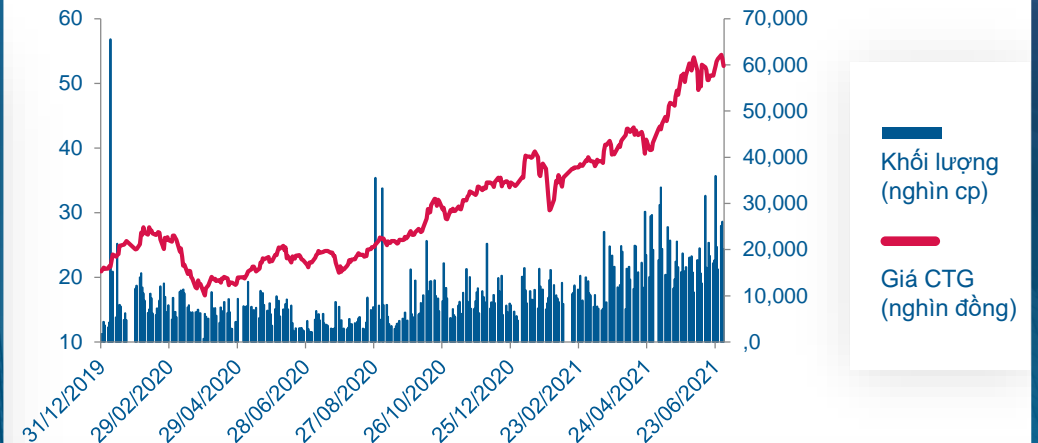
BVPS

25.028 đồng/cp

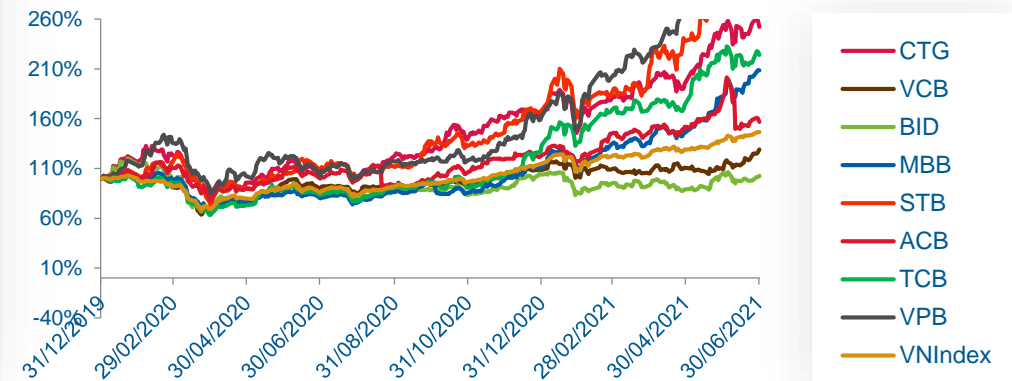
P/B (30/06/2021)

2,11x

Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG



Tăng trưởng của VN-Index và cổ phiếu ngân hàng



ĐVT: Tỷ đồng	2017 (kt)	2018 (kt)	2019 (kt)	2020 (kt)	1Q2021	2Q2021
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5.980	7.028	8.283	9.930	8.512	8.952
Tiền gửi tại NHNN	20.756	23.182	24.874	57.617	10.213	37.858
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	107.510	130.512	129.389	102.533	139.620	152.896
Chứng khoán kinh doanh	3.529	3.132	3.825	5.602	1.715	3.376
Công cụ TC phái sinh và các tài sản tài chính khác	529	281	470	137	2.494	1.441
Cho vay khách hàng	790.688	864.926	935.271	1.015.333	1.017.140	1.076.581
DPRR cho vay khách hàng	(8.303)	(13.060)	(12.946)	(12.561)	(13.912)	(18.676)
Chứng khoán đầu tư	128.393	102.100	104.615	114.942	124.272	153.324
Góp vốn, đầu tư dài hạn	3.114	3.317	3.283	3.336	3.470	3.152
Tài sản cố định	11.437	11.140	10.997	10.811	10.594	10.424
Tài sản có khác	31.427	31.731	32.651	33.757	39.865	43.695
Tổng tài sản có	1.095.061	1.164.290	1.240.711	1.341.436	1.343.965	1.473.022
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	15.207	62.600	70.603	44.597	33.117	79.886
Tiền gửi và vay các TCTD khác	115.159	111.400	109.483	128.519	123.598	164.527
Tiền gửi của khách hàng	752.935	825.816	892.785	990.331	1.003.700	1.039.520
Các công cụ TC phái sinh và các khoản nợ TC khác	0	0	0	0	0	0
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	6.364	5.934	5.776	2.733	2.685	2.654
Phát hành giấy tờ có giá	22.502	46.216	57.066	59.876	59.876	64.961
Các khoản nợ khác	119.129	45.007	27.643	29.969	29.9171	28.286
Tổng nợ phải trả	1.031.296	1.096.973	1.163.357	1.256.025	1.252.147	1.379.833
Vốn của TCTD	46.209	46.416	46.725	46.725	46.725	46.725
<i>Trong đó: Vốn điều lệ</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>	<i>37.234</i>
Quỹ của TCTD	7.476	8.168	9.610	11.606	11.605	11.617
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	551	600	626	482	466	506
Lợi nhuận chưa phân phối	9.234	11.837	19.833	26.001	32.348	33.732
Vốn chủ sở hữu	63.765	67.316	77.355	85.411	91.837	93.190
Lợi ích của cổ đông thiểu số	295	296	561	599	603	610
Tổng nợ phải trả và nguồn vốn	1.095.061	1.164.290	1.240.711	1.341.436	1.343.985	1.473.022

03. Phụ lục

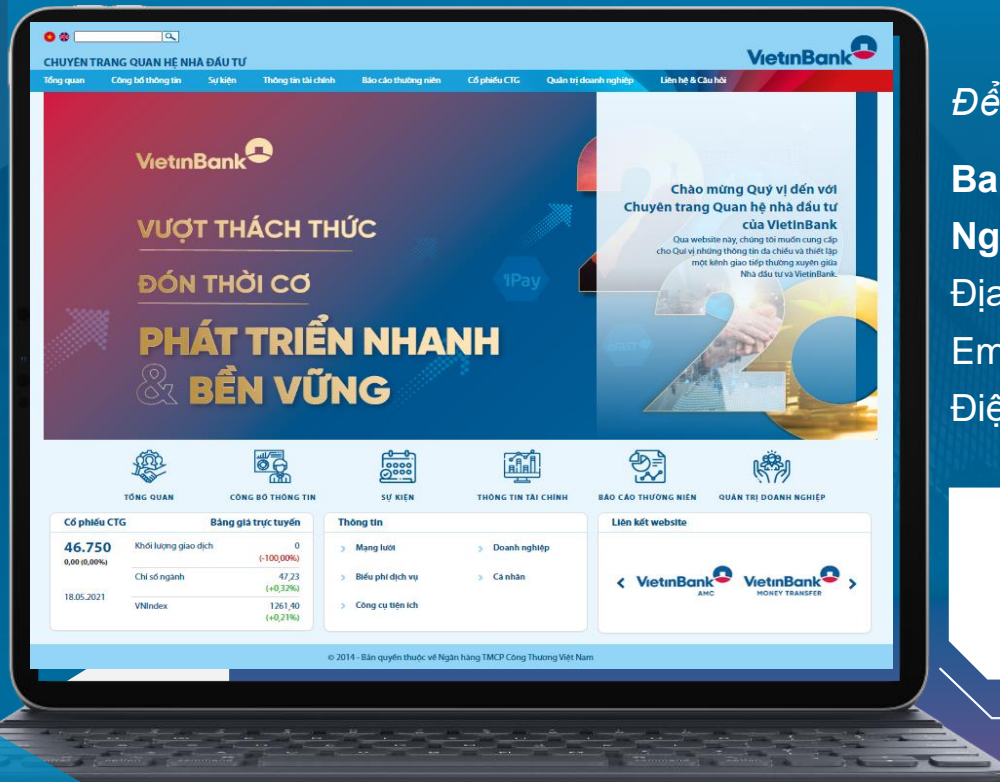
Bảng cân đối kế toán hợp nhất

ĐVT: Tỷ đồng	2017 (kt)	2018 (kt)	2019 (kt)	2020 (kt)	1Q2021	2Q2021
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	65.277	73.870	82.743	83.678	21.096	21.320
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(38.204)	(51.658)	(49.544)	(48.097)	(10.453)	(10.441)
Thu nhập lãi thuần	27.073	22.212	33.199	35.581	10.642	10.879
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	4.302	5.964	7.888	8.343	2.222	2.448
Chi phí hoạt động dịch vụ	(2.447)	(3.193)	(3.833)	(4.002)	(939)	(1.091)
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	1.855	2.771	4.055	4.341	1.283	1.357
Lãi/ lỗ thuần từ HĐKD ngoại hối	710	710	1.564	2.000	340	516
Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	325	271	366	601	177	72
Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(81)	218	(791)	361	(110)	22
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác	1.995	1.889	1.497	1.901	439	1.134
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	743	374	628	524	151	104
Thu nhập ngoài lãi	5.547	6.234	7.320	9.737	2.280	3.205
Tổng thu nhập	32.620	28.446	40.519	45.317	12.923	14.083
Chi phí hoạt động	(15.070)	(14.084)	(15.735)	(16.085)	(3.512)	(4.187)
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	17.550	14.361	24.785	29.232	9.410	9.896
Chi phí DPRR tín dụng	(8.344)	(7.803)	(13.004)	(12.147)	(1.350)	(7.106)
Tổng lợi nhuận trước thuế	9.206	6.559	11.781	17.085	8.060	2.790
Chi phí thuế TNDN	(1.747)	(1.281)	(2.304)	(3.328)	(1.589)	(539)
Lợi nhuận sau thuế	7.459	5.277	9.477	13.757	6.471	2.239
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(27)	(2)	(16)	(64)	(10)	(32)
Lợi nhuận thuần sau thuế của chủ sở hữu	7.432	5.275	9.461	13.694	6.462	2.206

03. Phụ lục

Báo cáo kết quả HĐKD

03. Phụ lục Website Quan hệ Nhà đầu tư



Để biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ:

**Ban Thư ký HĐQT và Quan hệ cổ đông - Văn phòng HĐQT
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam**

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Email: investor@vietinbank.vn

Điện thoại: 024.39413622

<http://investor.vietinbank.vn>

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

Tuyên bố trách nhiệm:

Bài trình bày này sử dụng báo cáo tài chính và các nguồn tin đáng tin cậy khác, tuy nhiên chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. Người đọc chỉ nên sử dụng bài trình bày này như một nguồn thông tin tham khảo. Những thông tin trong bài trình bày có thể được cập nhật theo thời gian và chúng tôi không có trách nhiệm thông báo về những sự thay đổi này.

